

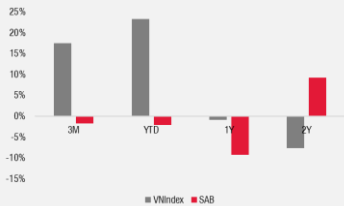
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (SAB: HOSE)

Ngày báo cáo: 09/08/2023
NGÀNH: HÀNG TIÊU DÙNG
CVPT cao cấp: Trần Thùy Trang, ACA
Email: trangtt2@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8705

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **185.000 Đồng**
Giá CP ngày 09/08/2023: 161.000 Đồng
% Tăng giá: **+14,9%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 4.435
Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 103.246
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 641
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 186.757
Giá cao/thấp nhất 52T (1000 Đ): 197,2/150
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 29,4
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 62,28
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 36

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Sabeco là công ty sản xuất bia hàng đầu Việt Nam với 26 công ty con và 18 công ty liên kết. Sabeco có 26 nhà máy bia trên cả nước với tổng công suất hàng năm là 2.000 triệu lít. Công suất đạt ~100% năm 2018. Sabeco có 10 công ty thương mại phụ trách 600 nhà phân phối sản phẩm khắp Việt Nam. Sản phẩm cũng có mặt tại 100.000 điểm bán hàng. Công ty cũng xuất khẩu sang 30 nước nhưng xuất khẩu chỉ chiếm một phần nhỏ doanh thu.

Cuộc họp với CVPT Q2/2023

Doanh thu yếu, chi phí tăng trong Q2/2023

Luận điểm đầu tư: Chúng tôi đã tham dự cuộc họp với chuyên viên phân tích do SAB tổ chức vào ngày 3/8/2023 để cập nhật về kết quả kinh doanh Q2/2023 và triển vọng về doanh thu trong nửa cuối năm 2023, đồng thời hiểu rõ hơn về bối cảnh cạnh tranh hiện tại. Trong Q2/2023, SAB đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 8,3 nghìn tỷ đồng (-7,7% svck và +33,8% so với quý trước) và 1,2 nghìn tỷ đồng (-32,5% svck và +20,6% so với quý trước), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

Kết quả kinh doanh quý 2 phản ánh rõ như câu tiêu dùng yếu, cùng với việc thực thi chặt chẽ Nghị định 100. Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, công ty sẽ rất khó đạt được các kế hoạch trong năm do nhu cầu trong nước phục hồi chậm hơn dự kiến. Tuy nhiên, điểm sáng là thị phần đã tăng trở lại kể từ kỳ nghỉ Tết, làm giảm khoảng cách thị phần giữa SAB và đối thủ cạnh tranh chính.

Trong năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 33,1 nghìn tỷ đồng (-5,3% svck) và 4,9 nghìn tỷ đồng (-11% svck); lần lượt thấp hơn 10% và 15% so với ước tính trước đây của chúng tôi. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 36,2 nghìn tỷ đồng (+9,2% svck) và 5,7 nghìn tỷ đồng (+16,5% svck). Chúng tôi nâng giá mục tiêu 1 năm đối với cổ phiếu SAB lên **185.000 đồng/cổ phiếu** (từ mức 182.000 đồng/cổ phiếu), dựa trên P/E mục tiêu năm 2024 là 24x (từ mức 23x cho năm 2023)/pp định giá DCF; chúng tôi nâng P/E mục tiêu để phản ánh lợi nhuận ròng phục hồi trong năm 2024. Với tiềm năng tăng giá là 14,9% theo giá mục tiêu, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu SAB từ **TRUNG LẬP** lên **KHẢ QUAN**.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	37.899	27.961	26.374	34.979	33.138	36.181
Lợi nhuận ròng	5.370	4.937	3.929	5.500	4.916	5.725
Tăng trưởng LN ròng (% YoY)	22,0%	-8,1%	-20,4%	40,0%	-10,6%	16,5%
EPS (VND)	7.477	7.133	5.556	7.983	7.244	8.436
ROE (%)	29,7%	23,9%	17,9%	23,3%	19,0%	19,7%
Tỷ suất cổ tức (%)	1,5%	1,8%	2,3%	2,1%	2,2%	2,2%
Ng/VCSH (%)	0,05	0,05	0,03	0,04	0,03	0,03
P/E (x)	30,49	27,34	27,18	20,91	22,22	19,08
P/B (x)	7,78	6,27	4,56	4,63	4,04	3,60
EV/EBITDA (x)	17,74	15,68	14,08	10,02	11,83	10,28

Nguồn: SAB, SSI Research

KQKD Q2/2023

Tỷ đồng	2Q23	2Q22	YoY	1Q23	QoQ	Tỷ suất lợi nhuận			
						2Q23	2Q22	1Q23	2022
Doanh thu thuần	8.312	9.008	-7,7%	6.214	33,8%				
Lợi nhuận gộp	2.488	3.086	-19,4%	1.915	29,9%	29,9%	34,3%	30,8%	30,8%
Lợi nhuận hoạt động	1.203	1.995	-39,7%	934	28,8%	14,5%	22,1%	15,0%	16,7%
EBIT	1.539	2.215	-30,5%	1.270	21,2%	18,5%	24,6%	20,4%	19,6%
EBITDA	1.679	2.358	-28,8%	1.410	19,0%	20,2%	26,2%	22,7%	21,2%
LNTT	1.524	2.205	-30,9%	1.252	21,7%	18,3%	24,5%	20,2%	19,5%
LNST	1.210	1.793	-32,5%	1.004	20,6%	14,6%	19,9%	16,2%	15,7%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	1.159	1.668	-30,5%	967	19,8%	13,9%	18,5%	15,6%	14,9%

Nguồn: SAB, SSI Research

Tỷ đồng	6T2023	6T2022	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Tỷ suất lợi nhuận	
					6T2023	6T2022
Doanh thu thuần	14.526	16.315	-11,0%	36%		
Lợi nhuận gộp	4.403	5.263	-16,3%		30,3%	32,3%
Lợi nhuận hoạt động	2.137	3.318	-35,6%		14,7%	20,3%
EBIT	2.808	3.758	-25,3%		19,3%	23,0%
EBITDA	3.089	4.050	-23,7%		21,3%	24,8%
LNTT	2.777	3.736	-25,7%		19,1%	22,9%
LNST	2.214	3.029	-26,9%	38%	15,2%	18,6%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	2.127	2.839	-25,1%		14,6%	17,4%

Nguồn: SAB, SSI Research

Trong Q2/2023, SAB đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 8,3 nghìn tỷ đồng (-7,7% svck và +33,8% so với quý trước) và 1,2 nghìn tỷ đồng (-32,5% svck và +20,6% so với quý trước), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Trong nửa đầu năm 2023, SAB ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 14,5 nghìn tỷ đồng (-11% svck) và 2,2 nghìn tỷ đồng (-26,9% svck), chỉ đạt 36% và 38% kế hoạch năm 2023 của công ty. Ban lãnh đạo chia sẻ công ty sẽ rất khó đạt được các kế hoạch trong năm do nhu cầu trong nước phục hồi chậm hơn dự kiến.

Doanh thu: Sản lượng tiêu thụ giảm tương đương với doanh thu giảm trong Q2/2023, do danh mục sản phẩm tương đối ổn định. Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng bia sản xuất đã giảm 28% svck trong Q2/2023 và giảm 15% svck trong nửa đầu năm 2023, cho thấy sản lượng tiêu thụ của toàn thị trường cũng giảm.

Cạnh tranh: So với Heineken, công ty ghi nhận sản lượng tiêu thụ bia giảm khoảng 25% svck trong nửa đầu năm 2023, chúng tôi cho rằng SAB đạt kết quả khả quan hơn so với thị trường khi sản lượng tiêu thụ chỉ giảm khoảng 11% svck trong nửa đầu năm 2023. Do suy thoái kinh tế, chúng tôi cho rằng các thương hiệu cao cấp, như Heineken, chịu tác động tiêu cực hơn do người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu. Heineken cũng giành thêm được thị phần trong phân khúc bình dân với các nhãn hiệu Bia Việt và Larue. Tuy nhiên, với vị thế là công ty dẫn đầu trong phân khúc bình dân với thương hiệu Saigon Lager, chúng tôi cho rằng khoảng cách tổng thể giữa hai đối thủ đã được thu hẹp khi dòng sản phẩm bình dân ghi nhận kết quả vượt trội hơn so với phân khúc cao cấp trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo SAB cũng cho rằng công ty bắt đầu giành lại thị phần sau kỳ nghỉ Tết.

Triển vọng doanh thu: Ban lãnh đạo dự kiến sản lượng tiêu thụ sẽ không tăng trở lại cho đến cuối năm nay. Công ty dự kiến lượng khách du lịch tăng trưởng sẽ kích thích nhu cầu so với quý trước, nhưng bia vẫn sẽ là sản

phẩm chi tiêu không thiết yếu của người tiêu dùng Việt Nam. Do đó, sản lượng tiêu thụ nhiều khả năng sẽ chỉ tăng khi nền kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi.

Tỷ suất lợi nhuận gộp: Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 440 điểm cơ bản svck do chi phí mạch nha tồn kho cao trong Q3/2022. Do hợp đồng mạch nha được chốt về sản lượng, sản lượng tiêu thụ chậm trong nửa đầu năm 2023 khiến chi phí tồn kho cao có thể còn kéo dài đến cuối năm. Trong khi đó, các biện pháp cắt giảm chi phí khác, như tiết kiệm sử dụng nguyên đầu vào và sử dụng năng lượng, vẫn được áp dụng để giữ cho tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định trong nửa cuối năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ cải thiện trong năm 2024, do giá mạch nha đã điều chỉnh khoảng 35% svck.

Chi phí quảng cáo và khuyến mãi (A&P): Trong khi doanh thu giảm, chi phí A&P tăng 5,6% svck và chiếm 9% doanh thu so với mức 7,8% trong Q2/2022 do công ty nỗ lực bảo vệ thị phần. Ban lãnh đạo dự kiến chi phí A&P/doanh thu sẽ trở về mức bình thường hóa trong năm tới khi sản lượng tiêu thụ cải thiện.

Cập nhật về thương vụ SABIBECO và việc chia cổ phiếu thưởng 1:1: Cả hai kế hoạch dự kiến sẽ được hoàn tất vào cuối năm. SABIBECO và công ty bao bì dự kiến sẽ được hợp nhất vào BCTC trong Q1/2024. Trong trung hạn, ban lãnh đạo có thể sẽ tập trung vào việc hợp nhất nhiều nhà máy bia hơn khi có cơ hội.

Ước tính và định giá

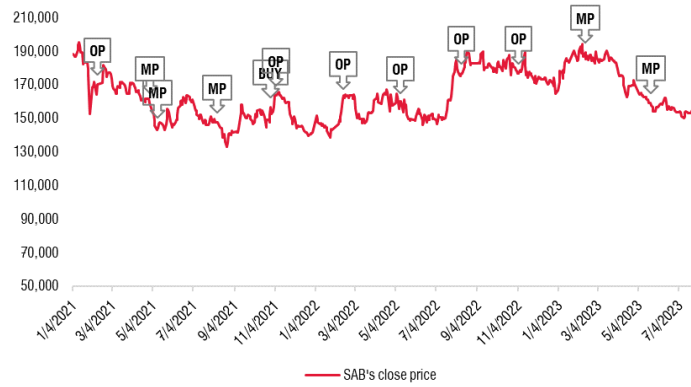
Với kết quả kinh doanh thực tế trong Q2/2023, chúng tôi hạ dự báo đối với SAB. Trong năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 33,1 nghìn tỷ đồng (-5,3% svck) và 4,9 nghìn tỷ đồng (-11% svck); mức này lần lượt thấp hơn 10% và 15% so với ước tính trước đây của chúng tôi. Chúng tôi chủ yếu hạ giá định về sản lượng tiêu thụ và tăng giá định về chi phí bán hàng & quản lý do chi phí A&P trong năm nay dự kiến sẽ cao hơn. Chúng tôi không điều chỉnh giảm giá định tỷ suất lợi nhuận gộp cho năm 2023 vì chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp trong nửa cuối năm 2023 sẽ tương đương với nửa đầu năm 2023 với cùng mức chi phí tồn kho mạch nha. Theo đó, doanh thu thuần trong nửa cuối năm 2023 giảm 0,5% svck và lợi nhuận ròng tăng 9% svck. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 36,2 nghìn tỷ đồng (+9,2% svck) và 5,7 nghìn tỷ đồng (+16,5% svck); lần lượt thấp hơn 9% và 8% so với ước tính trước đó của chúng tôi. Dự báo của chúng tôi chưa tính đến việc hợp nhất SABIBECO và công ty liên kết bao bì.

Tại mức giá 161.000 đồng/cổ phiếu, SAB đang giao dịch với P/E 2023 và 2024 lần lượt là 22,2x và 19,1x. Chúng tôi nâng giá mục tiêu 1 năm đối với cổ phiếu SAB lên **185.000 đồng/cổ phiếu** (từ mức 182.000 đồng/cổ phiếu), dựa trên P/E mục tiêu năm 2024 là 24x (từ mức 23x cho năm 2023)/pp định giá DCF; chúng tôi nâng P/E mục tiêu để phản ánh lợi nhuận ròng phục hồi trong năm 2024. Với tiềm năng tăng giá là 14,9% theo giá mục tiêu, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu SAB từ TRUNG LẬP lên **KHẢ QUAN**.

Quan điểm ngắn hạn: Chúng tôi kỳ vọng SAB sẽ đạt tăng trưởng lợi nhuận dương svck trong Q4/2023, với kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng 1:1 sắp tới và việc hợp nhất SABIBECO và công ty bao bì có thể thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong khi mức định giá của SAB đang ở vùng hợp lý.

Rủi ro: (i) chi phí nguyên liệu đầu vào cao hơn dự kiến; và (ii) sản lượng tiêu thụ thấp hơn dự kiến do cạnh tranh khốc liệt và mức tiêu thụ yếu.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606	4.069	4.283	8.693
+ Đầu tư ngắn hạn	16.991	19.411	19.411	19.411
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	468	898	788	860
+ Hàng tồn kho	1.668	2.194	1.989	1.922
+ Tài sản ngắn hạn khác	143	288	240	260
Tổng tài sản ngắn hạn	22.877	26.860	26.712	31.147
+ Các khoản phải thu dài hạn	13	38	9	10
+ GTCL Tài sản cố định	4.402	4.455	4.183	3.789
+ Bất động sản đầu tư	41	153	151	149
+ Tài sản dài hạn dở dang	551	134	134	134
+ Đầu tư dài hạn	2.125	2.214	2.188	2.188
+ Tài sản dài hạn khác	478	611	630	683
Tổng tài sản dài hạn	7.610	7.605	7.295	6.952
Tổng tài sản	30.487	34.465	34.007	38.099
+ Nợ ngắn hạn	7.258	9.214	6.079	6.638
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>322</i>	<i>659</i>	<i>463</i>	<i>576</i>
+ Nợ dài hạn	634	660	666	719
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>341</i>	<i>374</i>	<i>359</i>	<i>387</i>
Tổng nợ phải trả	7.892	9.874	6.745	7.356
+ Vốn góp	6.413	6.413	6.413	6.413
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	13.656	15.565	17.966	21.131
+ Quỹ khác	2.526	2.613	2.884	3.198
Vốn chủ sở hữu	22.595	24.591	27.262	30.743
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	30.487	34.465	34.007	38.099
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.543	4.379	3.049	6.812
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.245	-1.868	-374	-300
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.418	-2.048	-2.456	-2.103
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	880	463	219	4.409
Tiền đầu kỳ	2.726	3.606	4.069	4.283
Tiền cuối kỳ	3.606	4.069	4.283	8.693
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,15	2,92	4,39	4,69
Hệ số thanh toán nhanh	2,9	2,65	4,03	4,36
Hệ số thanh toán tiền mặt	2,84	2,55	3,9	4,23
Nợ ròng / EBITDA	-0,43	-0,4	-0,48	-0,71
Khả năng thanh toán lãi vay	100,65	150,69	135,82	148,3
Ngày phải thu	1,2	2,3	3,5	3,1
Ngày phải trả	39,4	38,9	37,3	29,9
Ngày tồn kho	30,3	29,1	33	28,6
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,74	0,71	0,8	0,81
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,26	0,29	0,2	0,19
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,4	0,25	0,24
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,04	0,03	0,03
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,03	0,02	0,02

Nguồn: SAB, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	26.374	34.979	33.138	36.181
Giá vốn hàng bán	-18.765	-24.208	-23.136	-24.971
Lợi nhuận gộp	7.609	10.771	10.003	11.210
Doanh thu hoạt động tài chính	1.120	1.091	1.102	1.007
Chi phí tài chính	-23	-82	-45	-56
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-3.500	-4.532	-4.639	-4.704
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-598	-741	-729	-796
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.780	6.830	6.047	7.063
Thu nhập khác	77	-16	43	29
Lợi nhuận trước thuế	4.857	6.813	6.090	7.092
Lợi nhuận ròng	3.929	5.500	4.916	5.725
Lợi nhuận chia cho cổ đông	3.677	5.224	4.646	5.410
Lợi ích của cổ đông thiểu số	252	276	270	315
EPS cơ bản (VND)	5.556	7.983	7.244	8.436
Giá trị sổ sách (VND)	33.092	36.084	39.829	44.765
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	3.500	3.500	3.500	3.500
EBIT	4.906	6.859	6.135	7.140
EBITDA	5.463	7.420	6.815	7.837
Tăng trưởng				
Doanh thu	-5,7%	32,6%	-5,3%	9,2%
EBITDA	-19,3%	35,8%	-8,2%	15,0%
EBIT	-20,6%	39,8%	-10,6%	16,4%
Lợi nhuận ròng	-20,4%	40,0%	-10,6%	16,5%
Vốn chủ sở hữu	6,5%	8,8%	10,9%	12,8%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	11,4%	13,0%	-1,3%	12,0%
Định giá				
PE	27,2	20,9	22,2	19,1
PB	4,6	4,6	4,0	3,6
Giá/Doanh thu	3,7	3,1	3,1	2,9
Tỷ suất cổ tức	2,3%	2,1%	2,2%	2,2%
EV/EBITDA	14,1	10	11,8	10,3
EV/Doanh thu	2,9	2,1	2,4	2,2
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	28,8%	30,8%	30,2%	31,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	15,1%	16,7%	15,1%	17,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	14,9%	15,7%	14,8%	15,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	13,3%	13,0%	14,0%	13,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,3%	2,1%	2,2%	2,2%
ROE	17,9%	23,3%	19,0%	19,7%
ROA	13,6%	16,9%	14,4%	15,9%
ROIC	17,5%	22,7%	18,4%	19,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Trần Thùy Trang, ACA

Chuyên viên phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8705

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043